

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ: KHOA THƯƠNG MẠI

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Quản trị Logistics và Chuỗi cung ứng		
Mã học phần:	71SCMN40373	Số tin chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	231_71SCMN40373_01,02,03,04		
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	75	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không	

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:
- Quy ước đặt tên file đề thi:

+ Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1

+ Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1_Mã đề (*Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi*).

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (*nén lại và đặt mật khẩu file nén*) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhật Linh).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ Quý Thầy Cô.

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO 1	Phân biệt các loại, chức năng của các nhà kho; tính toán được số lượng đặt hàng nhằm tối ưu chi phí tồn kho thông qua áp dụng các loại mô hình tồn kho phổ biến; và phân loại các điều kiện Incoterms.	TỰ LUẬN + TRẮC NGHIỆM	40%	Tất cả câu hỏi trắc nghiệm và 2 câu hỏi tự luận	10	
CLO 2	Hiểu và áp dụng các yếu tố ảnh hưởng đến dịch vụ khách hàng; các vấn đề cơ bản trong quản trị chuỗi cung ứng trong phân tích và giải quyết vấn đề doanh nghiệp	TRẮC NGHIỆM	15%	Tất cả câu hỏi trắc nghiệm	5	
CLO 3	Giao tiếp với người khác một cách hiệu quả (bằng ngôn ngữ, cử chỉ, điện thoại, văn bản); đồng thời phối hợp thuận thực với các thành viên khác trong quá trình làm việc nhóm	TRẮC NGHIỆM	10%	Tất cả câu hỏi trắc nghiệm	5	
CLO 4	Phân tích và đề xuất giải pháp cho các vấn đề cơ bản của quản trị chuỗi cung ứng xung quanh vận tải, sản xuất, tồn kho, và sự phối hợp trong chuỗi.	TỰ LUẬN	35%	Tất cả câu hỏi trắc nghiệm và câu 1 của phần tự luận	8	

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nêu nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

III. Nội dung câu hỏi thi**Ví dụ:****PHẦN TRẮC NGHIỆM (20 câu hỏi, mỗi câu 0.25 điểm)****Phân loại theo hình thức, logistics gồm**

- A. 1PL, 2PL, 3PL, 4PL, 5PL
- B. Logistics đầu vào, logistics đầu ra
- C. Logistics hàng tiêu dùng nhanh, logistics ngành ô tô, logistics hóa chất, logistics hàng điện tử, logistics dầu khí
- D. Logistics đơn giản, logistics phức tạp

ANSWER: A

Trong phạm vi chương trình học, yếu tố dịch vụ khách hàng trong giai đoạn nào liên quan đến hàng tồn kho

- A. Trong giao dịch
- B. Trước giao dịch
- C. Sau giao dịch
- D. Tất cả các đáp án đúng

ANSWER: A

Để giữ khách hàng, công ty cần phải thực hiện tốt nhất chất lượng dịch vụ khách hàng, chẳng hạn

- A. Tất cả các đáp án đúng
- B. Làm cho khách hàng tin tưởng vào khả năng phục vụ của mình và khiến họ tin rằng họ có thể được cung cấp dịch vụ như đã hứa

- C. Tạo niềm tin đối với khách hàng
- D. Làm cho khách hàng thoải mái

ANSWER: A

Xây dựng quan hệ khách hàng thông qua nhiều yếu tố, trong đó

- A. Tất cả các đáp án đúng**
- B. Truyền thông
- C. Tư vấn
- D. Đào tạo

ANSWER: A

Tồn kho an toàn dùng trong trường hợp nào

- A. BẤT ỔN CỦA NHÀ CUNG CẤP**
- B. Biến động giá cả
- C. Tất cả đều đúng
- D. Tất cả đều sai

ANSWER: A

Nhận định nào sau đây là đúng

- A. Tại điểm EOQ tổng chi phí tồn kho là thấp nhất**
- B. Chi phí đặt hàng hàng năm lớn hơn chi phí lưu kho hàng năm
- C. Chi phí đặt hàng hàng năm nhỏ hơn chi phí lưu kho hàng năm
- D. Tất cả đều sai

ANSWER: A

Đặc điểm của công nghệ RFID:

- A. Tất cả đều đúng**
- B. Đọc được dữ liệu từ xa
- C. Đọc được nhiều loại dữ liệu
- D. Lưu trữ được nhiều loại dữ liệu

ANSWER: A

Chuẩn EDI nào được dùng trong trao đổi dữ liệu điện tử của vận tải hàng không?

- A. IATA Cargo-XML**
- B. SWIFT
- C. HL7
- D. Tất cả đều đúng

ANSWER: A

Ứng dụng của RFID bao gồm:

- A. Quản lý tồn kho**
- B. Theo dõi vị trí của phương tiện vận chuyển
- C. Trao đổi dữ liệu giữa các doanh nghiệp
- D. Tất cả đều sai

ANSWER: A

Điều kiện quy định người bán có nghĩa vụ thuê phương tiện vận tải trong Incoterms 2020 bao gồm:

- A. **DAP**
- B. FAS
- C. EXW
- D. Tất cả đều đúng.

ANSWER: A

Đặc điểm nổi bật của vận tải hàng không là:

- A. **Vận chuyển hàng có khối lượng và thể tích nhỏ, giá trị hàng hóa cao, rủi ro tai nạn ở mức độ thấp, giá thành cao**
- B. Vận chuyển hàng có khối lượng và thể tích nhỏ, giá trị hàng hóa thấp, rủi ro tai nạn ở mức độ cao, giá thành cao
- C. Vận chuyển hàng có khối lượng và thể tích lớn, giá trị hàng hóa cao, rủi ro tai nạn ở mức độ rất thấp, giá thành thấp.
- D. Vận chuyển hàng có khối lượng và thể tích nhỏ, giá trị hàng hóa cao, rủi ro tai nạn ở mức độ rất thấp, giá thành thấp

ANSWER: A

Với điều kiện FAS Incoterm 2020 người mua có nghĩa vụ:

- A. **Thuê tàu thủy và trả cước phí vận tải tàu thủy**
- B. Trả cước phí vận tải tàu thủy
- C. Thuê tàu thủy
- D. Tất cả đều sai

ANSWER: A

Điều kiện chỉ áp dụng cho vận tải đường thủy trong Incoterms 2020 bao gồm

- A. **CFR**
- B. FCA
- C. DPU
- D. Tất cả đều đúng.

ANSWER: A

_____ đề cập đến việc các nguyên liệu, linh kiện, vật tư, dịch vụ, và các nguồn lực khác được mua từ các nhà cung ứng để phục vụ các hoạt động của doanh nghiệp.

- A. **Thu mua**
- B. Bán hàng
- C. Thuê ngoài
- D. Cung ứng

ANSWER: A

Quy trình lựa chọn nhà cung ứng bao gồm?

- A. **Nhận dạng nhu cầu cung ứng, phân tích tình huống (yếu tố nội tại và bên ngoài), nhận dạng và đánh giá các nhà cung ứng tiềm năng, chọn nhà cung ứng, quyết định và đánh giá**
- B. Nhận dạng nhu cầu cung ứng, nhận dạng và đánh giá các nhà cung ứng tiềm năng, chọn nhà cung ứng, quyết định đánh giá
- C. Nhận dạng nhu cầu cung ứng, nhận dạng và đánh giá các nhà cung ứng tiềm năng, chọn nhà cung ứng
- D. Nhận dạng và đánh giá các nhà cung ứng tiềm năng, chọn nhà cung ứng

ANSWER: A

Đặc điểm của mua hàng chiến lược

- A. **Tất cả các đáp án đều đúng**
- B. Hợp tác với số ít nhà cung cấp chất lượng nhất
- C. Môi quan hệ hợp tác lâu dài với nhà cung cấp
- D. Quan tâm đến tổng chi phí sản xuất hàng hóa

ANSWER: A

Tổng chi phí sở hữu mà doanh nghiệp cần phải quan tâm đến trong quá trình mua hàng bao gồm:

- A. **Tất cả đều đúng**
- B. Chi phí thu mua và chi phí sở hữu
- C. Chi phí sở hữu và chi phí hậu sở hữu
- D. Chi phí thu mua và chi phí hậu sở hữu

ANSWER: A

Chính sách chiết khấu theo lượng mua thuộc rào cản nào

- A. Rào cản do giá**
- B. Rào cản động cơ
- C. Rào cản xử lý thông tin
- D. Rào cản hành vi

ANSWER: A

Sự hợp thiêu hợp tác trong chuỗi cung ứng diễn ra khi nào

- A. Tất cả các đáp án đều đúng**
- B. Thông tin chuyên trong chuỗi cung ứng bị chậm
- C. Thông tin chuyên trong chuỗi cung ứng bị sai lệch
- D. Các mắt xích trong chuỗi cung ứng mâu thuẫn với nhau

ANSWER: A

Để có sự hợp tác trong chuỗi cung ứng, các mắt xích:

- A. Phải chia sẻ thông tin của mình và cân nhắc ảnh hưởng của hành động của mình tới những mắt xích khác**
- B. Cân nhắc ảnh hưởng của hành động của mình tới những mắt xích khác
- C. Không cần chia sẻ thông tin
- D. Cố gắng tối đa hóa lợi nhuận cho chính họ

PHẦN TỰ LUẬN (tổng số câu hỏi + thang điểm từng câu hỏi)

Câu hỏi 1: (3 điểm)

Một nhà máy đang có nhu cầu sản xuất là 100,000 đơn vị thành phẩm trong năm tiếp theo và đang mong muốn tiến hành thu mua nguyên vật liệu để tiến hành sản xuất cho nhu cầu này. Được cho biết rằng mỗi một thành phẩm cần 2 nguyên vật liệu và các thông tin chung sau:

- Chi phí đặt hàng: \$50 / đơn hàng
 - Chi phí tồn kho: \$0.35 / nguyên vật liệu
 - Số ngày làm việc: 300 ngày
 - Thời gian chờ (Lead Time): 3 ngày
- a) Tính lượng đặt hàng kinh tế EOQ. (1 điểm)
 - b) Tính thời gian tái đặt hàng (ROP). (1 điểm)
 - c) Tính tổng chi phí đặt hàng và tồn kho của nhà máy. (1 điểm)

Câu hỏi 2: (2 điểm)

Liệt kê các điều kiện Incoterm 2020 mà người xuất khẩu (người bán) có nghĩa vụ thuê phương tiện vận tải (2 điểm)

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		5.0	
Câu 1 – 20		0.25	
II. Tự luận		5.0	
Nội dung 1	a) $EOQ = \sqrt{2 \cdot 100,000 \cdot 2 \cdot 50 / 0.35}$ $= 7560$ nguyên vật liệu (1 điểm) b) $ROP = 200,000 / 300 \cdot 3 = 2000$ nguyên vật liệu (1 điểm) c) Tổng chi phí = $(200,000 / 7560) \cdot 50 + (7560 / 2) \cdot 0.35 =$ $1322.75 + 1322.75 = \$2645.50$ (1 điểm)	3.0	
Nội dung 2	<p>Sinh viên phải trả lời đầy đủ các đáp án dưới đây. Thiếu 1 đáp án, trừ 0,25 điểm.</p> <ul style="list-style-type: none"> – CPT – CFR – CIF – CIP – DAP – DPU – DDP <p>Trường hợp sinh viên ghi toàn bộ các điều kiện incoterm 2020 (11 điều kiện) thì chỉ được tối đa 0,25 điểm cho câu này.</p>	2.0	
Điểm tổng		10.0	

Người duyệt đề

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 11 năm 2023
Giảng viên ra đề

Th.S Nguyễn Việt Tịnh

Th.S Syed Tâm Husain
Th.S Nguyễn Minh Đức
Th.S Vũ Thị Kim Hạnh
Th.S Hồ Thị Phương Thảo